

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST

Ngày 26-4-2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Thanh Quý;

2. Ông Bùi Kim Châu Hồ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1984; tạm trú: Số 28/41 khu phố Đ1, phường A, thị xã D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lưu Văn C, sinh năm 1965; tạm trú: Số 19/41 khu phố Đ1, phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/12/2018 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Hoàng Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị H và ông Lưu Văn C sau thời gian tự nguyện tìm hiểu nhau 01 năm thì tiến đến hôn nhân, sống chung với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh N theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 09, cấp ngày 19/01/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại số 19/41 khu phố Đ1, phường A, thị xã D, tỉnh B. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông C có con riêng và giữa ông C với bà H không có con chung. Ông C chỉ chăm lo cho con riêng mà không quan tâm chăm sóc bà H, thường xuyên uống bia rượu rồi xúc phạm

bà H, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, luôn bất hòa. Bà H nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên đã sống ly thân với ông C từ tháng 9/2017 cho đến nay. Bà H xác định không còn tình cảm với ông C nên yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn đã được Toà án thông báo tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không đến Toà án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố nào, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ngày 24/4/2019, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 03/4/2019 và ngày 26/4/2019 nhưng ông Lưu Văn C vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị H và ông Lưu Văn C đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện G, tỉnh N theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 09, cấp ngày 19/01/2012, là hôn nhân hợp pháp.

[3] Bà H xác định quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn do ông C không quan tâm đến bà H, thường xuyên uống bia rượu và xúc phạm bà H, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống gia đình ngột ngạt nên bà H không còn tình cảm với ông C. Bà H và ông C đã sống ly thân từ tháng 9/2017 cho đến nay.

[4] Xét, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập ông C đến làm việc và hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông C không đến Tòa án, điều này chứng

tổ tình cảm vợ chồng của bà H và ông C thực sự không còn, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó bà H yêu cầu ly hôn với ông C là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống giữa bà H và ông C không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[7] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân thị xã D, tỉnh B.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị H đối với ông Lưu Văn C về việc ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị H được ly hôn với ông Lưu Văn C.
- Về con chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.
- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hoàng Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0027934 ngày 03/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh B.

3. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh B (1);
- VKSND thị xã D (1);
- Chi cục THADS thị xã D (1);
- UBND xã B, huyện G, tỉnh N (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Ngọc Liên

